

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH Y

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:08/2022/HSST
Ngày 14-4-2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Duy Đô.

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1- Ông Trương Xuân Vũ;
- 2- Bà Vũ Thị Hồng.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều, Thư ký Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y tham gia phiên toà: Ông Lý Văn Tâm- Kiểm sát viên.

Ngày 14`tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 29/2021/TLST-HS ngày 08-10-2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HS ngày 07-01-2022 và các Quyết định hoãn phiên toà số 01/2022/HSST-QĐ ngày 21-01-2022; số 02/2022/HSST-QĐ ngày 21-02-2022; số 04/2022/HSST-QĐ ngày 10-3-2022; số 05/2022/HSST-QĐ ngày 31-3-2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Duy Tr, Sinh ngày 04-11-1983 tại huyện Xuân Trường- tỉnh Nam Định. Nơi cư trú: Tổ 6 thị trấn YT- huyện L- tỉnh Y. Nghề nghiệp: Kế toán trưởng Trung cấp L. Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Nguyễn Minh Th và bà Nguyễn Thị M. Vợ là chị Hà Thị Thuý H; bị cáo có hai con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2020. Vợ, con bị cáo hiện sinh sống tại tổ 6 thị trấn YT - huyện L- tỉnh Y. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12-11-2019 đến ngày 15-01-2020 có Quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn Tạm giam bằng biện pháp Bảo lãnh. Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt.

2. Cù Chí G, Sinh ngày 29-8-1964 tại thành phố Lào Cai- tỉnh Lào Cai. Nơi cư trú: Tổ 3 thị trấn YT- huyện L- tỉnh Y. Nghề nghiệp: Nguyên kế toán trưởng Trung cấp L. Trình độ học vấn: 10/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Cù Chí Ch (Đã chết) và bà Nguyễn Thị X. Vợ là chị Trần Thị Vân H; bị cáo có một con sinh năm 1991. Vợ, con bị cáo hiện sinh sống tại tổ 3 thị trấn

YT - huyện L- tỉnh Y. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

3. Trần Lan A, Sinh ngày 11-9-1981 tại huyện L- tỉnh Y. Nơi cư trú: Tổ 1 thị trấn YT- huyện L- tỉnh Yên Bái. Nghề nghiệp: Thủ quỹ trường Trung cấp L. Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng thời gian từ ngày 19-7-2021 đến khi Bản án của Tòa án xét xử bị cáo có hiệu lực pháp luật theo Quyết định số 04-QĐ/UBKTHU ngày 15-10-2020 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy L.

Con ông Trần Quốc Kh và bà Quản Thị Th (Đã chết). Chồng là anh Nguyễn Ngọc Th; bị cáo có hai con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2012. Chồng, con bị cáo hiện sinh sống tại tổ 1 thị trấn YT - huyện L- tỉnh Y. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12-11-2019 đến ngày 21-01-2020 có Quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn Tạm giam bằng biện pháp Bảo lãnh. Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt.

4. Lê Thị Đài Tr, Sinh ngày 02-9-1990 tại huyện L- tỉnh Y. Nơi đăng ký HKTT: Tổ 6 thị trấn YT- huyện L- tỉnh Y. Chỗ ở: Thôn Đ- xã L Đ- huyện L- tỉnh Y. Nghề nghiệp: Cán bộ hợp đồng. Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Lê Thanh Ph (Đã chết) và bà Trịnh Thanh P. Chồng là anh Trịnh Thanh T; bị cáo có ba con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2020. Chồng, con bị cáo hiện sinh sống tại tổ 6 thị trấn YT - huyện L- tỉnh Y. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Bàn Tiến B 37 tuổi

Nơi cư trú: Thôn B- xã T P- huyện L- tỉnh Y.

2. Ông Tráng Văn T 65 tuổi

Nơi cư trú: Tổ 5 thị trấn YT- huyện L- tỉnh Y.

3. Anh Vi Văn Tú 32 tuổi

Nơi cư trú: Thôn 7 xã M- huyện L- tỉnh Y.

4. Chị Đỗ Thị T 36 tuổi

Nơi cư trú: Tổ 3 thị trấn YT- huyện L- tỉnh Y.

5. Anh Nguyễn Văn N 65 tuổi

Nơi cư trú: Thôn 2 xã Đ- huyện L- tỉnh Y.

6. Bà Nguyễn Thị Ch 57 tuổi

Nơi cư trú: Thôn N- xã M- huyện L- tỉnh Y.

Tất cả những có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Người tham gia tố tụng khác

Người làm chứng:

Anh Mông Thanh Dũng; anh Hứa Văn Lương; chị Nguyễn Thị Thu Hiền; anh Nguyễn Anh Lương; anh Trịnh Minh Phương; chị Lê Thị Phụng; chị Nguyễn Thị Hoa; anh Phạm Ngọc Anh; anh Nông Trần Khánh; chị Lê Thị Nguyệt; chị

Hoàng Minh Phụng; anh Nguyễn Đức Trọng; chị Trần Thị Hiền; anh Đỗ Quốc Giang; anh Nguyễn Văn Tuấn; chị Hà Thị Mai Hội; anh Nông Ngọc Hương; anh Phạm Xuân Thuận; chị Hoàng Thị Thuý Hà; anh Hoàng Quốc Việt; anh Lê Thanh Sơn; chị Hoàng Thị Thu Nhài; anh Nguyễn Văn Dân; anh Lê Anh Tuấn; chị Lương Thị Vân Anh; anh Đỗ Duy Thái; anh Trần Công Bốn; chị Vũ Thị Thao; chị Lê Thị Thu Hà; anh Hoàng Đức Đồng; anh Dương Dũng Thắng; chị Nguyễn Thị Minh Nhị; anh Trần Trung Dũng; anh Nguyễn Vũ Hùng; anh Trịnh Thanh Tùng; anh Đào Thế Cường; anh Phạm Ngọc Sơn; anh Nguyễn Văn Giang; anh Lê Văn Tiến; anh Ngô Mạnh Thắng; chị Nguyễn Thị Bích Phương; chị Triệu Thị Minh Hiền; anh Phạm Xuân Hải; chị Phùng Thị Lộc; anh Âu Văn Tình; chị Hoàng Thị Tình; chị Nông Thị Luyến; anh Nông Thanh Chọi; anh Đào Ngọc Toàn; anh Nông Đình Đoàn; anh Hoàng Văn Tuyên; chị Trảng Thị Vang; anh Hoàng Văn Vui; anh Hoàng Văn Thiện; chị Lự Thị Hà Vân; anh Nông Văn Sự; anh Hoàng Ngọc Năm; anh Hoàng Huy Hùng; anh Hoàng Đức Thuyên; anh Vi Văn Chung; anh Triệu Văn Thuộc; anh Hoàng Văn Hoạt; anh Hoàng Văn Toà; anh Nông Văn Quyết; anh Hoàng Văn Nghi; anh Nông Thanh Khoa; anh Nông Văn Thông; chị Hoàng Thị Yên; anh Hoàng Văn Tuyển; anh Phùng Ngọc Nông; anh Cam Văn Phố; anh Triệu Văn Diễm; chị Hứa Thị Như; chị Hứa Thị Năm; anh Vi Đức Hải; anh Nông Thanh Bưởi; anh Hoàng Trung Hiếu; anh Hoàng Liên Hiệp; anh Nguyễn Đức Chính; anh Bê Văn Anh; anh Mông Văn Sần; anh Triệu Văn Hiện; anh Vi Văn Phú; anh Triệu Quốc Năm; anh Nguyễn Bá Duy; anh Nguyễn Mạnh Hùng; anh Lã Kim Vươn; anh Nông Hệ Thống; anh Hoàng Đình Kê; anh Hoàng Văn Thoại; anh Hoàng Văn Diễn; anh Nguyễn Văn Sa; anh Hoàng Long Chuông; anh Lê Thanh Hải; anh Tăng Văn Đoàn; anh Trần Văn Cường; anh Dương Văn Thu; anh Lèng Văn Nghĩa; anh Nguyễn Ngọc Minh; anh Hoàng Văn Thông; anh Nông Đức Thuận; anh Hoàng Kim Thành; anh Trịnh Hữu Kàn; anh Triệu Tiến Tiên; anh Triệu Tiến Phụng; anh Triệu Văn Lý; anh Bàn Hữu Chu; anh Nguyễn Tuyên Huân; anh Bàn Trung Kiên; anh Hoàng Ngọc Côi; anh Hoàng Tinh Đẹp; anh Hoàng Văn Hùng; anh Triệu Văn Chiến; anh Trần Trọng Dân; anh Hoàng Đình Xuyên; anh Hoàng Ngọc Liên; anh Đoàn Đức Trường; anh Phạm Văn Chinh; anh Lộc Văn Hạnh; chị Sầm Thị Mối; anh Hoàng Văn Vui; anh Hoàng Văn Nam; anh Hoàng Hải Vy; anh Sầm Đình Kiệm; anh Lương Văn Đôi; anh Triệu Việt Phú; chị Hoàng Thị Xuân; chị Nguyễn Thị Nụ; anh Đỗ Trảng Vũ; anh Mông Trung Hà; anh Nhạc Văn Kê; anh Nông Đức Thắng; anh Phạm Văn Hiệu; anh Nguyễn Tiến Lộc.

Tất cả những người làm chứng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trường Trung cấp nghề L trực thuộc Sở Lao động- Thương binh và Xã hội tỉnh Y, được thành lập theo Quyết định số 1097/QĐ-UBND ngày 18-9-2012 sau đó được đổi tên thành Trường Trung cấp L theo Quyết định số 3429/QĐ-UBND ngày 25-12-2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Y từ ngày 01-01-2018 (Trên cơ sở sáp

nhập và đổi tên từ Trường trung cấp nghề L và Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện L) do Nông Ngọc A làm Hiệu trưởng.

Thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27-11-2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc đào tạo nghề cho lao động nông thôn, từ năm 2015 đến 2018 Trường Trung cấp L đã ký hợp đồng với Phòng Lao động- Thương binh và Xã hội huyện L, tỉnh Yên Bái để tổ chức mở 54 lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn các xã thuộc huyện L, gồm các ngành nghề đào tạo như: Xây dựng, chăn nuôi thú y, kỹ thuật trồng nấm, nuôi cá, may, với tổng số tiền 3.017.038.000 đồng. Thực hiện hợp đồng đã ký, Trường Trung cấp L đào tạo xong 54 lớp và được Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội huyện Lục Yên thanh quyết toán hết với tổng số tiền là: 2.978.244.000 đồng. Kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn được sử dụng từ nguồn vốn Ngân sách Nhà nước do UBND tỉnh Y phân bổ cho UBND huyện L và UBND huyện L giao cho Phòng Lao động- Thương binh và Xã hội ký hợp đồng, thanh quyết toán với Trường Trung cấp L.

Vào thời gian từ năm 2015 đến năm 2018, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được phân công, Nông Ngọc A (Hiệu trưởng Trường Trung cấp L) đã chỉ đạo Nguyễn Duy Tr (Kế toán), Trần Lan A (Thủ quỹ), Cù Chí G (nguyên Kế toán) và Lê Thị Đài Tr (cán bộ hợp đồng) của nhà trường làm trái công vụ như giảm bớt vật tư dạy nghề, chi phí thuê địa điểm, chi phí thuê giáo viên giảng dạy, ... lập và ký chứng từ quyết toán phản ánh không đúng thực tế các khoản chi phát sinh để rút tiền Ngân sách Nhà nước từ nguồn kinh phí được cấp cho việc mở các lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Theo Kết luận giám định tư pháp tài chính - kế toán của các Giám định viên, Sở tài chính Y ngày 23-8-2021, đã kết luận: Trường Trung cấp L, đã lập, ký duyệt hồ sơ thanh, quyết toán 54 lớp đào tạo nghề với tổng số tiền là: 2.978.244.000 đồng. Trong đó, tổng số tiền chi thực tế cho 54 lớp là: 2.347.790.500 đồng; Số tiền chênh lệch giữa quyết toán và thực chi các bị can gây thiệt hại cho nhà nước với tổng số tiền là: 630.453.500đ. Các chứng từ đã lập và ký phản ánh không đúng thực tế các khoản chi cho 54 lớp cụ thể trong các năm:

- Trong năm 2015: Tổng số tiền đã ký trên hồ sơ quyết toán của 18 lớp là: 650.647.000đ; Số tiền chi thực tế là: 511.025.500đ; Số tiền chênh lệch các bị can gây thiệt hại là: 139.621.500đ; số tiền đủ căn cứ xác định chủ thể thiệt hại là 133.897.000; số tiền chưa đủ căn cứ xác định chủ thể gây thiệt hại là 5.724.500đ.

- Trong năm 2016: Tổng số tiền đã ký trên hồ sơ quyết toán của 13 lớp là: 708.540.000đ; Số tiền chi thực tế là: 585.293.000đ; Số tiền chênh lệch các bị can gây thiệt hại là: 123.247.000đ; số tiền đủ căn cứ xác định chủ thể gây thiệt hại là 114.937.000đ; số tiền chưa đủ căn cứ xác định chủ thể gây thiệt hại là 8.310.000đ.

- Trong năm 2017: Tổng số tiền đã ký trên hồ sơ quyết toán của 08 lớp là: 594.495.000đ; Số tiền chi thực tế là: 494.549.000đ; Số tiền chênh lệch các bị can gây thiệt hại là: 99.946.000đ; số tiền đủ căn cứ xác định chủ thể gây thiệt hại là 97.494.000đ; số tiền chưa đủ căn cứ xác định chủ thể gây thiệt hại là 2.452.000đ.

- Trong năm 2018: Tổng số tiền đã ký trên hồ sơ quyết toán của 15 lớp là: 1.024.562.000đ; Số tiền chi thực tế là: 756.923.000đ; Tổng số tiền chênh lệch các

bị can gây thiệt hại và đủ căn cứ xác định định chủ thể gây thiệt hại là: 267.639.000đ.

Số tiền vi phạm được rút ra như đã nêu ở trên có liên quan đến từng cá nhân, theo từng thời điểm khác nhau, cụ thể như sau:

Trong thời gian năm 2017, 2018 theo sự chỉ đạo của ông Nông Ngọc A, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được phân công, bị can Nguyễn Duy Tr và Trần Lan A đã có hành vi làm trái công vụ là ký chứng từ quyết toán phản ánh không đúng thực tế các khoản chi với số tiền 367.585.000đ. Tuy nhiên, số tiền đủ căn cứ xác định chủ thể thiệt hại là 365. 133.000đ; số tiền chưa đủ căn cứ kết luận do thiếu hồ sơ là 2.452.000đ. Số tiền sai phạm này, ông Nông Ngọc A chỉ đạo giao cho Trần Lan A cất giữ, chi tiêu sử dụng.

Trong thời gian từ năm 2015 đến 2016, tham gia thực hiện hành vi phạm tội cùng với Nông Ngọc A còn có Cù Chí G (Nguyên kế toán) và Lê thị Đài Tr (Cán bộ hợp đồng) Trường Trung cấp L. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được phân công, theo sự chỉ đạo của ông Nông Ngọc A, Cù Chí G và Lê thị Đài Tr đã có hành vi làm trái công vụ là lập và ký chứng từ quyết toán phản ánh không đúng thực tế các khoản chi nhằm rút tiền Ngân sách nhà nước với số tiền 257.968.500đ. Tuy nhiên số tiền đủ căn cứ xác định chủ thể thiệt hại là 248.834.000đ; số tiền chưa đủ căn cứ kết luận do thiếu hồ sơ là 14.034.500đ. Số tiền 248.834.500đ được rút ra từ Ngân sách nhà nước, trong các năm 2015 và 2016 nêu trên, ông Nông Ngọc A chỉ đạo giao cho Lê thị Đài Tr quản lý, để ngoài sổ sách, chi tiêu sử dụng.

Đối với lớp thú y I- K13 thời gian học từ ngày 28/5/2018 đến 25/6/2018 Lê thị Đài Tr được phân công quản lý lớp học, biết rõ số tiền chênh lệch giữa quyết toán và thực chi được rút ra là 16.335.000 đồng do vậy, Lê thị Đài Tr phải chịu trách nhiệm thêm số tiền này. Như vậy tổng số tiền Trang phải chịu trách nhiệm là 265.169.000đ.

Như vậy, từ năm 2015 đến năm 2018, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được phân công, ông Nông Ngọc A đã có hành vi chỉ đạo Nguyễn Duy Trọng, Cù Chí G, Trần Lan Anh và Lê thị Đài Tr làm trái công vụ như: giảm bớt vật tư dạy nghề, chi phí thuê địa điểm, chi phí thuê giáo viên giảng dạy... lập và ký chứng từ quyết toán phản ánh không đúng thực tế các khoản chi, gây thiệt hại cho Ngân sách nhà nước với số tiền là 613.967.000đ (Đây là số tiền thiệt hại đã đủ điều kiện xác định chủ thể). Số tiền sai phạm này, bị can Nông Ngọc A chỉ đạo giao cho bị can Lê Thị Đài Trang, Trần Lan A cất giữ, sử dụng chi quan hệ giao dịch, chi tiếp khách, chi quà tết cho lãnh đạo các sở, ban ngành và cán bộ nhà trường nhằm mục đích để được quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi trong thực hiện nhiệm vụ của nhà trường... Do thời gian đã lâu, số tiền chi này để ngoài sổ sách không ghi chép lại nên không xác định được cụ thể là đã chi cho những ai, ở đâu và số tiền là bao nhiêu. Trong số tiền này ông Nông Ngọc A được hưởng lợi cá nhân là 4.700.000đ, nhận nhiều lần theo từng lớp đào tạo (Năm 2015 có 18 lớp mỗi lớp được hưởng lợi cá nhân số tiền là: 100.000đ/1 lớp; Năm 2016 có 13 lớp được hưởng số tiền là: 100.000đ/1 lớp; Năm 2017 có 8 lớp số tiền được hưởng lợi cá nhân là: 200.000đ/1 lớp); Nguyễn Duy Tr và Trần Lan A mỗi người được hưởng lợi cá nhân số tiền là

1.600.000đ (Năm 2017 có 8 lớp số tiền được hưởng lợi cá nhân là: 200.000đ/1 lớp); Cù Chí G được hưởng lợi cá nhân số tiền là 3.100.000đ, số tiền này bị can nhận nhiều lần theo từng lớp đào tạo (Năm 2015 có 18 lớp mỗi lớp được hưởng lợi cá nhân số tiền là: 100.000đ/1 lớp; Năm 2016 có 13 lớp được hưởng số tiền là: 100.000đ/1 lớp); Lê thị Đài Tr được hưởng lợi cá nhân số tiền là 4.700.000đ, số tiền này bị can nhận nhiều lần theo từng lớp đào tạo (Năm 2015 có 18 lớp mỗi lớp được hưởng lợi cá nhân số tiền là: 100.000đ/1 lớp; Năm 2016 có 13 lớp được hưởng số tiền là: 100.000đ/1 lớp; Năm 2017 có 8 lớp số tiền được hưởng lợi cá nhân là: 200.000đ/1 lớp). Số tiền này các bị can hưởng lợi trái phép, không phải là tiền “quản lý lớp học” theo Quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 18/02/2016 và Quyết định số 483/QĐ-UBND ngày 10/4/2018 của UBND tỉnh Y.

Theo sự chỉ đạo của ông Nông Ngọc A, tham gia thực hiện còn có các cán bộ giáo viên quản lý các lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn của Trường trung cấp L. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được phân công, các cán bộ giáo viên quản lý lớp đã có hành vi ký tên trên các hồ sơ quyết toán các lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn nhưng thực tế có những khoản không được chi nên không biết có sự chênh lệch giữa hồ sơ quyết toán và số tiền thực tế chi như: chi trả tiền văn phòng phẩm, tiền phô tô, mua vật tư thực hành, giáo viên giảng dạy, coi thi chấm thi... Các cán bộ giáo viên khai nhận chỉ được chi các khoản tiền như: Chi tuyển sinh, chi thuê địa điểm tổ chức lớp học, chi quản lý lớp và chi tiền hỗ trợ học viên. Cụ thể số tiền chênh lệch giữa hồ sơ quyết toán và các khoản thực tế các cán bộ giáo viên nhà trường đã chi như sau:

1/ Bà Nguyễn Thị Thu Hiền được hiệu trưởng Trường trung cấp Lục Yên phân công quản lý 17 lớp với tổng số tiền đã ký trên hồ sơ quyết toán là: 757.055.000đ; số tiền chênh lệch giữa quyết toán và số tiền thực tế bà Hiền đã chi là: 9.600.000đ.

2/ Ông Nông Trần Khánh được hiệu trưởng Trường trung cấp Lục Yên phân công quản lý 10 lớp với tổng số tiền đã ký trên hồ sơ quyết toán là: 641.289.000đ; số tiền chênh lệch giữa quyết toán và số tiền ông Khánh thực tế đã chi là: 3.650.000đ

3/ Ông Nguyễn Đức Trọng được hiệu trưởng Trường trung cấp Lục Yên phân công quản lý 03 lớp với tổng số tiền đã ký trên hồ sơ quyết toán là: 187.524.000đ; số tiền chênh lệch giữa quyết toán và số tiền thực tế đã chi là: 5.660.000đ

4/ Bà Trần Thị Hiền được hiệu trưởng Trường trung cấp Lục Yên phân công quản lý 03 lớp với tổng số tiền đã ký trên hồ sơ quyết toán là: 84.632.000đ; số tiền chênh lệch giữa quyết toán và số tiền thực tế đã chi là: 2.100.000đ

5/ Ông Trịnh Minh Phương được hiệu trưởng Trường trung cấp Lục Yên phân công quản lý 4 lớp với tổng số tiền đã ký trên hồ sơ quyết toán là: 432.300.000đ; số tiền chênh lệch giữa quyết toán và số tiền thực tế đã chi là: 5.440.000đ.

6/ Ông Nguyễn Anh Lương được hiệu trưởng nhà trường phân công quản lý 02 lớp với tổng số tiền đã ký trên hồ sơ quyết toán là: 56.835.000đ; số tiền chênh lệch giữa quyết toán và số tiền thực tế đã chi là: 1.700.000đ.

7/ Bà Lê Thị Nguyệt được hiệu trưởng nhà trường phân công quản lý 01 lớp với tổng số tiền đã ký trên hồ sơ quyết toán là: 52.315.000đ; số tiền chênh lệch giữa quyết toán và số tiền thực tế đã chi là: 945.000đ.

8/ Bà Hoàng Minh Phượng được hiệu trưởng nhà trường phân công quản lý 06 lớp với tổng số tiền đã ký trên hồ sơ quyết toán là: 313.026.000; số tiền chênh lệch giữa quyết toán và số tiền thực tế đã chi là: 1.920.000đ.

9/ Ông Phạm Ngọc Anh được hiệu trưởng nhà trường phân công quản lý 01 lớp với số tiền đã ký trên hồ sơ quyết toán là: 426.000đ; số tiền thực nhận: 200.000đ, số tiền chênh lệch giữa quyết toán và thực tế đã nhận là: 226.000đ.

10/ Bà Nguyễn Thị Hoa được hiệu trưởng nhà trường phân công quản lý 03 lớp với tổng số tiền đã ký trên hồ sơ quyết toán là: 248.399.000đ; số tiền chênh lệch giữa quyết toán và số tiền thực tế đã chi là: 4.755.000đ. Các khoản chi chênh lệch nêu trên, các giáo viên không biết nhà trường giữ lại để làm gì và họ cũng không được hưởng lợi gì.

Ngoài ra, còn có các cán bộ quản lý lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn của Trường trung cấp L như ông Đỗ Quốc Giang; ông Mông Thanh Dũng; ông Hứa Văn Lương và ông Nguyễn Văn Tuấn. Vào thời gian đầu năm, khi có chỉ tiêu mở các lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn thì Hiệu trưởng Nông Ngọc Ánh có tổ chức họp, thành phần gồm Ban giám hiệu nhà trường, các bộ phận có liên quan như kế toán, thủ quỹ, cán bộ đào tạo. Cùng tham gia họp có ông Đỗ Quốc Giang; ông Mông Thanh Dũng; ông Hứa Văn Lương và ông Nguyễn Văn Tuấn. Tại cuộc họp hiệu trưởng quán triệt là tổ chức đào tạo nghiêm túc, quản lý chặt chẽ các lớp, đảm bảo chất lượng đào tạo, do kinh phí có hạn nên các lớp phải chi phí tiết kiệm. Khi làm hồ sơ quyết toán các lớp đào tạo, ông Nông Ngọc Ánh đã chỉ đạo kế toán lập chứng từ phản ánh không đúng thực tế phát sinh như thế nào, số tiền chênh lệch giữa hồ sơ quyết toán và thực tế chi là bao nhiêu thì ông Đỗ Quốc Giang; ông Mông Thanh Dũng; ông Hứa Văn Lương và ông Nguyễn Văn Tuấn đều không biết (Vì bản thân không được giao nhiệm vụ theo dõi các khoản thu, chi và cũng không ai báo cáo nên không biết số tiền chênh lệch giữa hồ sơ quyết toán và thực tế chi là bao nhiêu và cũng không được hưởng lợi gì).

Quá trình điều tra, ngày 25-7-2020, ông Nông Ngọc A đã tử vong tại nhà riêng thuộc thôn 7, xã Mường Lai, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 57/TT-PC09 ngày 31-7-2020 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Yên Bái, kết luận nguyên nhân chết là: “Ngạt cơ học do treo cổ”. Ngày 31-7-2020 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Yên Bái đã ra quyết định số 01/QĐ-CSKT đình chỉ điều tra bị can đối với ông Nông Ngọc A.

Đồ vật, tài liệu tạm giữ gồm 54 bộ chứng từ quyết toán; 41 tờ (bản gốc) quyết toán số tiền thực chi của các lớp năm 2015, 2017, 2018; 07 tờ theo dõi số tiền thực chi của các lớp năm 2016 và các quyết định thành lập, đổi tên trường, các quyết định bổ nhiệm, phân công nhiệm vụ, hợp đồng lao động ... (Bản phô tô có đóng

dấu treo của Trường trung cấp Lục Yên); Một quyển sổ tay bìa màu xanh đen, trên bìa sổ ghi chữ A4 Grand gồm 19 tờ có chữ viết (Trên mỗi tờ có ghi ngày 9/10/2019 và có chữ ký của bị can Lê Thị Đài Trang) được đóng dấu bút lục, đánh số thứ tự chuyển theo hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra gia đình ông Nông Ngọc A, Nguyễn Duy Tr và Trần Lan A đã tự nguyện nộp lại số tiền sai phạm là **631.069.500đ** để khắc phục hậu quả (Trong đó gia đình ông Nông Ngọc A nộp 381.069.500đ; Nguyễn Duy Tr nộp 150.000.000đ; Trần Lan Anh nộp 100.000.000đ).

Tại Kết luận giám định tư pháp tài chính- kế toán của các Giám định viên Sở Tài chính Y ngày 23-8-2021 đã kết luận:

1. Về hành vi kê toán:

Căn cứ kết luận của Cơ quan CSĐT đã xác định các bị can đã lập không chứng từ kê toán chi phí tổ chức lớp học dạy từ năm 2015 đến năm 2018 theo đó việc kê toán, chủ tài khoản lập chứng từ kê toán, hạch toán kê toán không đúng với thực tế nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã vi phạm:

- Điều 13 Luật kê toán quy định các hành vi bị nghiêm cấm:

+ *Giả mạo, khai man hoặc thoả thuận, ép buộc người khác giả mạo, khai man, tẩy xóa chứng từ kê toán hoặc tài liệu kê toán khác.*

+ *Cố ý thoả thuận hoặc ép buộc người khác cung cấp, xác nhận thông tin, số liệu kê toán sai sự thật.*

- Trường Trung cấp L không lập sổ kê toán (Sổ quỹ tiền mặt, sổ công nợ phải thu phải trả...); không hạch toán khoản thu, khoản chi liên quan đến làm dịch vụ dạy nghề vào hệ thống kê toán của đơn vị theo quy định chế độ kê toán ban hành theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 20-3-2006 và Thông tư số 107/2017/TT-BTC.

2. Các văn bản mà hành vi của các bị can vi phạm:

Căn cứ hành vi các bị can lập không chứng từ kê toán dẫn đến: Làm tăng chi phí, tăng giá trị hợp đồng, tăng số tiền phòng Lao động- Thương binh và Xã hội phải thanh toán từ Ngân sách NN cho Trường Trung cấp L; thu vượt của giáo viên giảng dạy phải nộp thuế thu nhập cá nhân hoặc không trích lại để nộp thuế thu nhập cá nhân. Theo đó các bị can vi phạm:

- Luật Ngân sách nhà nước quy định những hành vi bị cấm trong lĩnh vực ngân sách NN: *“Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt hoặc thiếu trách nhiệm làm thiệt hại đến nguồn thu ngân sách nhà nước”.*

- Luật Kế toán, điều 13 quy định các hành vi bị nghiêm cấm:

+ *Giả mạo, khai man hoặc thoả thuận, ép buộc người khác giả mạo, khai man, tẩy xóa chứng từ kê toán hoặc tài liệu kê toán khác.*

+ *Cố ý thoả thuận hoặc ép buộc người khác cung cấp, xác nhận thông tin, số liệu kê toán sai sự thật.*

3. Số tiền và chủ thể bị thiệt hại:

Số tiền các bị can gây thất thoát là số tiền thu được từ việc Trường Trung cấp L thực hiện hợp đồng đào tạo với phòng Lao động- Thương binh và Xã hội

huyện L; là tiền giảng dạy Trường Trung cấp L giữ lại của giáo viên vượt quá số thuế thu nhập cá nhân phải nộp ngân sách nhà nước, không trích lại nộp thuế thu nhập cá nhân của giáo viên trước khi thanh toán theo Thông tư 11/2013/TT-BTC.

Số tiền các bị can gây thất thoát do lập khống chứng từ theo kết luận của Cơ quan điều tra là 625.553.500 đồng, tuy nhiên có điều chỉnh do quá trình tổng hợp kết luận điều tra có sai sót số học, tại kết luận đã chỉnh sửa phù hợp với tài liệu chi tiết.

Căn cứ số tiền các bị can đã lập khống trên 54 lớp học do Cơ quan CSĐT kết luận; các văn bản quản lý về lĩnh vực tài chính phù hợp với các thời điểm các bị can có hành vi sai phạm; các chủ thể bị thiệt hại được xác định như sau:

Tổng số tiền các bị can gây thiệt hại ứng với các nội dung trong trong Quyết định trưng cầu giám định là **630.453.500 đồng**

- Thiệt hại chưa có đủ căn cứ xác định chủ thể thiệt hại: **16.486.500 đồng**;
- Thiệt hại đã đủ điều kiện xác định chủ thể: **613.967.000 đồng**; trong đó:
 - + Thiệt hại đối tượng cung cấp dịch vụ (Giáo viên): **24.800.000 đồng**;
 - + Thiệt hại về ngân sách NN theo giá trị hợp đồng: **569.511.000 đồng**;
 - + Thiệt hại ngân sách NN (Thuế thu nhập cá nhân): **19.656.000 đồng**.

Chủ tài khoản, kế toán gây thiệt hại về ngân sách NN với nội dung khác ngoài Quyết định trưng cầu giám định: **4.368.000 đồng**, đề nghị Cơ quan CSĐT xem xét.

Tại bản Cáo trạng số 58/CT-VKS-P2 ngày 05-10-2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Y đã truy tố Nguyễn Duy Tr, Trần Lan A, Cù Chí G và Lê thị Đài Tr về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo điểm b, điểm c khoản 2 điều 356 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Duy Tr, Trần Lan A, Cù Chí G và Lê thị Đài Tr phạm tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

- Về hình phạt:

+ Căn cứ điểm b, điểm c khoản 2, khoản 4 điều 356; điểm b, điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1 điều 54; điều 17; điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Duy Tr từ 01 năm đến 01 năm 05 tháng tù, khấu trừ thời gian đã tạm giam; cấm đảm nhiệm chức vụ có liên quan từ 02 năm đến 03 năm.

+ Căn cứ điểm b, điểm c khoản 2, khoản 4 điều 356; điểm b, điểm s, điểm t, điểm v khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1 điều 54; điều 17; điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt Trần Lan A từ 01 năm đến 01 năm 04 tháng tù, khấu trừ thời gian đã tạm giam; cấm đảm nhiệm chức vụ có liên quan từ 02 năm đến 03 năm.

+ Căn cứ điểm b, điểm c khoản 2, khoản 4 điều 356; điểm b, điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1 điều 54; điều 17; điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt Cù Chí G từ 01 năm đến 01 năm 02 tháng tù; cấm đảm nhiệm chức vụ có liên quan từ 02 năm đến 03 năm.

+ Căn cứ điểm b, điểm c khoản 2, khoản 4 điều 356; điểm b, điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1 điều 54; điều 17; điều 58 Bộ luật Hình sự; xử

phạt Lê thị Đài Tr từ từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù; cấm đảm nhiệm chức vụ có liên quan từ 02 năm đến 03 năm.

Về biện pháp tư pháp đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước khoản tiền gia đình ông Nông Ngọc A và các bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả là 589.167.000 đồng và 8.784.000 đồng do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Bàn Tiến Biên từ chối không nhận.

Trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền bị thiệt hại gồm: Ông Trắng Văn Tươi 4.680.000 đồng; anh Vi Văn Tú 6.656.000 đồng; anh Nguyễn Văn Nhật 1.352.000 đồng; chị Đỗ Thị Tuyết 3.328.000 đồng.

Trả lại số tiền thừa cho các cá nhân đã nộp khắc phục hậu quả cụ thể: Gia đình ông Nông Ngọc A do bà Nguyễn Thị Chắc đại diện 177.774.500 đồng; bị cáo Nguyễn Duy Tr 29.650.000 đồng.

Áp dụng quy định của pháp luật buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Y, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tội danh và hình phạt:

Quá trình xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của những người làm chứng; phù hợp với Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện: Trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2018, lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao, vì động cơ vụ lợi, để có tiền chi cho các hoạt động của nhà trường và hưởng lợi cá nhân nên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, dưới sự chỉ đạo của Hiệu trưởng Nông Ngọc A; các bị cáo Nguyễn Duy Tr, Cù Chí G, Lê Thị Đài Tr và Trần Lan A đã làm trái công vụ như: Giảm bớt vật tư dạy nghề, chi phí thuê địa điểm, chi phí thuê giáo viên giảng dạy...; nhiều lần lập, ký chứng từ quyết toán phản ánh không đúng thực tế các khoản chi để rút tiền Ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí được cấp cho việc mở các lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gây thiệt hại với tổng số tiền là: **613.967.000đ** (Sáu trăm mười ba triệu, chín trăm sáu mươi bảy nghìn đồng). Hành vi cụ thể của từng cá nhân như sau:

Nguyễn Duy Tr ký duyệt các chứng từ quyết toán của 8 lớp năm 2017 với số tiền 97.494.000 đồng và 15 lớp của năm 2018 với số tiền 267.639.000 đồng. Tổng cộng là 365.133.000 đồng.

Trần Lan A ký các chứng từ quyết toán của 8 lớp năm 2017 với số tiền 97.494.000 đồng và 15 lớp của năm 2018 với số tiền 267.639.000 đồng. Tổng cộng là 365.133.000 đồng.

Cù Chí G ký duyệt các chứng từ quyết toán của 18 lớp năm 2015 với số tiền 133.897.000 đồng và 13 lớp của năm 2016 với số tiền 114.937.000 đồng. Tổng cộng là 248.834.000 đồng.

Lê thị Đài Tr đã lập và ký các chứng từ quyết toán của 18 lớp năm 2015 với số tiền 133.897.000 đồng; 13 lớp của năm 2016 với số tiền 114.937.000 đồng và 01 lớp chăn nuôi thú y năm 2018 với số tiền 16.335.000 đồng. Tổng cộng là 265.169.000 đồng.

Số tiền sai phạm rút ra được sử dụng chi trái nguyên tắc cho hoạt động của nhà trường như: Chi quan hệ giao dịch, tiếp khách, chi quà tết cho lãnh đạo các sở, ban, ngành và cán bộ nhà trường nhằm mục đích để được quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi trong thực hiện nhiệm vụ ... Ngoài ra các bị cáo cũng được hưởng lợi cá nhân một phần nhưng số tiền không lớn cụ thể: Nông Ngọc A 4.700.000 đồng, Nguyễn Duy Tr 1.600.000 đồng, Trần Lan A 1.600.000 đồng, Cù Chí G 3.100.000 đồng, Lê thị Đài Tr 4.700.000 đồng.

Hành vi lập khống chứng từ kế toán của các bị cáo dẫn đến: Làm tăng chi phí, tăng giá trị hợp đồng, tăng số tiền phòng Lao động- Thương binh và Xã hội phải thanh toán từ Ngân sách Nhà nước cho Trường Trung cấp L; thu vượt của giáo viên giảng dạy phải nộp thuế thu nhập cá nhân hoặc không trích lại để nộp thuế thu nhập cá nhân đã vi phạm khoản 1 Điều 18 Luật Ngân sách nhà nước quy định những hành vi bị cấm đó là: *“Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt hoặc thiếu trách nhiệm làm thiệt hại đến nguồn thu ngân sách nhà nước”*. Vi phạm khoản 1, khoản 2 Điều 13 Luật Kế toán quy định các hành vi bị nghiêm cấm đó là: *“Giả mạo, khai man hoặc thoả thuận, ép buộc người khác giả mạo, khai man, tẩy xoá chứng từ kế toán hoặc tài liệu kế toán khác; Cố ý thoả thuận hoặc ép buộc người khác cung cấp, xác nhận thông tin, số liệu kế toán sai sự thật”*. Vi phạm Luật phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 ngày 20/11/2018.

Đây là vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, trong đó ông Nông Ngọc A là người chỉ đạo, điều hành các bị cáo khác làm trái nguyên tắc nên là người phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án. Tuy nhiên quá trình điều tra ông Nông Ngọc A đã tử vong nên ngày 31-7-2020 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Yên Bái đã ra quyết định số 01/QĐ-CSKT đình chỉ điều tra bị can đối với ông Nông Ngọc A. Nguyễn Duy Tr, Cù Chí G, Trần Lan A và Lê Thị Đài Tr là người thực hiện nên phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm. Cụ thể ông Nông Ngọc A chịu trách nhiệm chung cùng các bị cáo khác với tổng số tiền là **613.967.000 đồng**; Nguyễn Duy Tr và Trần Lan A phải chịu trách nhiệm với số tiền là **365. 133.000 đồng** (Của các lớp học năm 2017, 2018); Cù Chí G và Lê thị Đài Tr phải chịu trách nhiệm với số tiền là **248.834.000 đồng** (Của các lớp học năm 2015, 2016).

Ngoài số tiền đồng phạm cùng với Cù Chí G; Lê thị Đài Tr còn phải chịu trách nhiệm số tiền sai phạm giữa quyết toán và thực chi của 01 lớp chăn nuôi thú y I - K13 mở tại xã Yên Thắng, huyện L, thời gian từ ngày 28/5/2018 đến ngày 25/6/2018 do Trang quản lý là **16.335.000 đồng**.

Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức đồng thời xâm phạm các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn. Mặc dù nhận thức rõ hành vi làm trái công vụ để rút tiền Ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí được cấp cho việc mở các lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn là vi phạm pháp luật nhưng do mục đích vụ lợi nên các bị cáo vẫn cố tình thực hiện.

Từ phân tích trên có đủ cơ sở kết luận Nguyễn Duy Tr, Trần Lan A, Cù Chí G và Lê thị Đài Tr phạm tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo điểm b, điểm c khoản 2 điều 356 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Y đã truy tố. Cụ thể điều luật quy định như sau:

“Điều 356. Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ

1. Người nào vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái công vụ gây thiệt hại về tài sản từ 10.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại khác đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm...

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

c) Gây thiệt hại về tài sản từ 200.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng...”

Xét về nhân thân: Các bị cáo đều là những người chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Nguyễn Duy Tr, Trần Lan A, Cù Chí G và Lê thị Đài Tr đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền sai phạm, khắc phục hậu quả; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo cũng đã tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án thông qua việc tự giác giao nộp các tài liệu liên quan đến việc phạm tội. Do đó cả bốn bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm s, điểm t khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trần Lan A nhiều năm đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua và được tặng thưởng nhiều Giấy khen nên bị cáo này còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ “*Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong công tác*” quy định tại điểm v khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra các bị cáo còn có những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự, cụ thể như sau:

Bị cáo Nguyễn Duy Tr có thành tích trong công tác (Đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở năm 2018) và có bố đẻ là bệnh binh.

Bị cáo Trần Lan A có bố đẻ được tặng Huy hiệu Chiến sỹ Trường Sơn; có mẹ đẻ nhiều năm được tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh và được tặng danh hiệu Phụ nữ xuất sắc toàn quốc năm 2002-2007; có ông bà được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhì.

Bị cáo Cù Chí G có thành tích trong công tác (Đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở năm 2012, nhiều năm đạt danh hiệu Lao động tiên tiến và được tặng thưởng Giấy khen); có thời gian dài công tác trong quân đội; có bố đẻ được tặng Kỷ niệm chương Vì chủ quyền an ninh biên giới và được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhất.

Bị cáo Lê thị Đài Tr có thành tích trong công tác (Đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở năm 2018); có ông, bà là những người tham gia dân công hỏa tuyến được hưởng chế độ của Nhà nước, trong đó ông được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Ba.

Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội; đặc điểm nhân thân và những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyễn Duy Tr, Trần Lan A, Cù Chí G và Lê thị Đài Tr đều có nhân thân tốt, có nơi thường trú rõ ràng; trước khi thực hiện hành vi phạm tội luôn chấp hành tốt đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và nội quy, quy chế của trường. Cả bốn bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điều 52 Bộ luật Hình sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự. Trong vụ án các bị cáo đều có vai trò thứ yếu. Cả 4 bị cáo đều là những người có quan hệ lệ thuộc giữa cấp dưới với cấp trên, chấp hành mệnh lệnh theo sự chỉ đạo của cấp trên, trong số đó bị cáo Lê thị Đài Tr là cán bộ hợp đồng. Mặt khác số tiền các bị cáo được hưởng lợi không lớn. Ban Giám hiệu trường Trung cấp L có đơn tha thiết đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng đặc biệt. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho các bị cáo được hưởng một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại điều 54 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ điểm d khoản 3 điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30-12-2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ thì các bị cáo có đủ điều kiện được áp dụng chính sách khoan hồng đặc biệt miễn hình phạt theo điều 59 Bộ luật Hình sự.

[3] Đối với những hành vi và các cá nhân có liên quan:

Hành vi của các bị cáo còn gây thiệt hại về ngân sách nhà nước nội dung khác với số tiền 4.368.000 đồng. Đây là số tiền thuế thu nhập cá nhân bị thiệt hại do Trường Trung cấp L không khấu trừ trước khi thanh toán, khoản tiền thù lao giảng dạy cho các giáo viên trong năm 2016 theo quy định tại điểm I Điều 25 Thông tư số 111/2003/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ tài chính. Các giám định viên tài chính- kế toán đề nghị Cơ quan điều tra xem xét. Qua điều tra đã xác định trong năm 2016 Cù Chí G là kế toán trưởng của nhà trường, do sai sót nên đã không thực hiện khấu trừ thuế thu nhập cá nhân mức 10% của khoản tiền thù lao

giảng dạy trước khi chi trả cho 4 giáo viên với tổng số là 4.200.000đồng. Ngày 31/8/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã có Công văn số 1058/CSKT gửi Chi cục Thuế huyện L xem xét xử lý. Ngày 20/9/2021 Chi cục Thuế huyện L đã có Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, đối với Trường trung cấp L, phạt tiền 840.000 đồng; truy thu tiền thuế TNCN năm 2016 khai thiếu là 4.200.000 đồng; tiền chậm nộp thuế TNCN năm 2016 là 2.060.100 đồng.

Đối với các cá nhân: Chị Lê Thị Phụng (Cán bộ Trường trung cấp Lục Yên) đã ký xác nhận vào các chứng từ của 22 lớp với số tiền là 846.027.000 đồng. Các cán bộ quản lý và giáo viên của Trường trung cấp Lục Yên gồm: Chị Nguyễn Thị Thu Hiền, ông Nông Trần Khánh, ông Nguyễn Đức Trọng, bà Trần Thị Hiền, ông Trịnh Minh Phương, ông Nguyễn Anh Lương, bà Lê Thị Nguyệt, bà Hoàng Minh Phương, ông Phạm Ngọc Anh, bà Nguyễn Thị Hoa, ông Đỗ Quốc Giang, ông Mông Thanh Dũng, ông Hứa Văn Lương và ông Nguyễn Văn Tuấn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được phân công đã có hành vi ký tên trên chứng từ quyết toán phản ánh không đúng thực tế các khoản chi thực tế phát sinh theo sự chỉ đạo của bị can Nông Ngọc A. Tuy nhiên bản thân chị Lê Thị Phụng và các cán bộ, giáo viên trên không lập các chứng từ kế toán, không được quản lý theo dõi các khoản chi phí của lớp học, không biết các chứng từ kế toán lập phản ánh không đúng với thực tế phát sinh và cũng không được hưởng lợi gì do đó không đủ căn cứ để xử lý về hình sự đối với các cá nhân này.

Đối với các giáo viên trực tiếp tham gia giảng dạy các lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn: Trong quá trình tổ chức các lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn các xã thuộc huyện L, Hiệu trưởng Nông Ngọc A đã ký hợp đồng đào tạo thuê giáo viên giảng dạy là ông Trảng Văn Tươi; ông Bàn Tiến Biên; ông Nông Ngọc Hưởng; ông Vi Văn Tú; bà Đỗ Thị Tuyết; ông Nguyễn Văn Nhật; bà Hà Thị Mai Hội; ông Phạm Xuân Thuận; bà Hoàng Thị Thúy Hà; bà Lê Thị Nguyệt; ông Hoàng Quốc Việt; ông Lê Thanh Sơn; bà Hoàng Thị Thu Nhài và ông Nguyễn Văn Dân. Những người này thực tế có tham gia giảng dạy đầy đủ, đúng nội dung chương trình cho các lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn do Trường trung cấp Lục Yên mở, nhưng một số người đã ký tên xác nhận vào các bộ hồ sơ chứng từ thuê giáo viên giảng dạy cao hơn với số tiền thực tế được nhận, cụ thể từng cá nhân như sau:

- Ông Trảng Văn Tươi: Tham gia giảng dạy 7 lớp với tổng số tiền đã ký trên hồ sơ quyết toán là 50.960.000đ. Số tiền thực tế đã nhận là: 43.368.000đ; chênh lệch số tiền là: 7.592.000đ.

- Bà Đỗ Thị Tuyết: Tham gia giảng dạy 10 lớp với tổng số tiền đã ký trên hồ sơ quyết toán là 64.480.000đ. Số tiền thực tế đã nhận là: 58.968.000đ; chênh lệch số tiền là: 5.512.000đ.

- Ông Nguyễn Văn Nhật: Đã tham gia giảng dạy 3 lớp với tổng số tiền đã ký trên hồ sơ quyết toán là 17.680.000đ. Số tiền thực tế được nhận là: 15.600.000đ; chênh lệch số tiền là: 2.080.000đ.

- Ông Nguyễn Văn Dân: Đã tham gia giảng dạy 1 lớp với tổng số tiền đã ký trên hồ sơ quyết toán là 14.560.000đ. Số tiền thực tế được nhận là: 13.104.000đ; chênh lệch số tiền là: 1.456.000đ.

- Ông Vi Văn Tú: Đã tham gia giảng dạy 11 lớp với số tiền đã ký trên hồ sơ quyết toán là 80.080.000đ. Số tiền thực tế được nhận là: 67.200.000đ; chênh lệch số tiền là: 12.880.000đ. Ông Tú trình bày số tiền này nhà trường thỏa thuận giữ lại để nộp thuế thu nhập cá nhân nhưng sau đó nhà trường chi tiêu sử dụng thế nào thì ông Tú không biết.

- Ông Bàn Tiến Biên: Tham gia giảng dạy 8 lớp với tổng số tiền đã ký trên hồ sơ quyết toán là 133.120.000đ; Số tiền thực tế được nhận do thời gian đã lâu và giảng dạy nhiều lớp nên ông Biên không nhớ rõ từng lớp được nhận số tiền là bao nhiêu, các lớp đã số được nhận đủ số tiền đã ký trên hồ sơ quyết toán nhưng cũng có lớp được nhận ít hơn số tiền đã ký trên hồ sơ từ 1 đến 2 triệu đồng một lớp.

- Các ông bà gồm: Hà Thị Mai Hội, Hoàng Quốc Việt, Hoàng Thị Thu Nhài, Hoàng Thị Thúy Hà, Lê Thị Nguyệt, Nông Ngọc Hường, Nguyễn Thị Hằng, Lê Thanh Sơn, Phạm Xuân Thuận, số tiền công giảng dạy thực tế đã nhận đúng với số tiền đã ký trên hồ sơ quyết toán.

Do nhận thức pháp luật hạn chế và do nể nang nên họ đã ký xác nhận vào hồ sơ quyết toán cao hơn số tiền thực tế được nhận. Số tiền chênh lệch giữa hồ sơ quyết toán và thực nhận không lớn. Bản thân họ không được hưởng lợi gì từ việc làm trên của bản thân nên không đề cập vấn đề xử lý.

Đối với các đối tượng đứng tên trên hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hóa đơn, phiếu chi tiền mua vật tư thực hành, phôi chứng chỉ, phô tô, văn phòng phẩm gồm:

Ông Nguyễn Vũ Hùng (trú tại: tổ 4, thị trấn Cổ Phúc, Trấn Yên, Yên Bái); Ông Trịnh Thanh Tùng (trú tại: xã Liễu Đô, huyện Lục Yên, Yên Bái); Ông Trần Trung Dũng (trú tại: tổ 4, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái); Ông Đào Thế Cường (trú tại: tổ 6, thị trấn Yên Thế, Lục Yên, Yên Bái); Bà Triệu Thị Minh Hiền (trú tại: xã Mai Sơn, Lục Yên, Yên Bái); Ông Phạm Ngọc Sơn (trú tại: tổ 13, thị trấn Yên Thế, Lục Yên, Yên Bái); Ông Nguyễn Văn Giang (trú tại tổ 2, thị trấn Yên Thế, Lục Yên, Yên Bái); Ông Lê Văn Tiến (trú tại: tổ 15, Phường Đồng Tâm, TP Yên Bái); Ngô Mạnh Thắng (trú tại tổ 7, thị trấn Yên Thế, Lục Yên, Yên Bái); Bà Nguyễn Thị Bích Hương (trú tại: tổ 6, thị trấn Yên Thế); Công ty TNHH 1 thành viên Nhà xuất bản lao động xã hội (địa chỉ: Số 36, ngõ Hòa Bình 4, phố Minh Khai, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội). Đây là các chủ hộ kinh doanh, là doanh nghiệp, đã được cấp giấy phép kinh doanh để hoạt động theo ngành nghề đăng ký. Từ năm 2015 đến 2018, các hộ kinh doanh, doanh nghiệp nêu trên có cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho Trường Trung cấp Lục Yên để sử dụng cho việc tổ chức các lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gồm: Vật tư thực hành; Vận chuyển các loại vật tư và thiết bị thực hành; Tài liệu học tập; Phôi bằng chứng chỉ tốt nghiệp. Quá trình mua, bán giữa Trường Trung cấp Lục Yên và các hộ kinh doanh, công ty đều được ký hợp đồng, thanh lý hợp đồng, thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, lập xuất hóa đơn theo quy định và thực tế phát sinh.

Các chủ hộ kinh doanh đã xác nhận, ký, đóng dấu vào hợp đồng, biên bản thanh lý hợp đồng, biên bản giao nhận do cán bộ trường Trung cấp Lục Yên lập; Lập, xuất hóa đơn bán hàng cho trường Trung cấp Lục Yên với giá trị cao hơn so với thực tế, rồi sau đó chuyển lại nhà trường để làm chứng từ thanh quyết toán kinh phí tổ chức các đào tạo nghề. Các chủ hộ kinh doanh được trường Trung cấp Lục Yên chi trả tiền công ghi hóa đơn và tiền thuế đối với giá trị chênh lệch so với thực tế phát sinh theo như đã thỏa thuận. Sau khi được quyết toán, tiền được chuyển từ tài khoản của Trường Lục Yên mở tại Kho bạc nhà nước huyện Lục Yên về tài khoản của các chủ hộ kinh doanh, doanh nghiệp. Căn cứ vào giá trị hàng hóa, dịch vụ thực tế mua bán, giá trị hóa đơn, tiền công hóa đơn, các chủ hộ kinh doanh sẽ chuyển trả lại phần tiền còn lại sẽ đưa trực tiếp bằng tiền mặt cho cán bộ của trường Trung cấp Lục Yên. Việc giao, nhận khoản tiền chênh lệch này không được thể hiện bằng bất kỳ tài liệu, sổ sách nào. Quá trình điều tra xác định, từ năm 2015 đến 2018, các hộ kinh doanh, doanh nghiệp có phát sinh quan hệ mua bán hàng hóa, dịch vụ với trường Trung cấp Lục Yên. Các chủ hộ kinh doanh khẳng định rằng không có việc xác nhận, ký tên, đóng dấu vào hồ sơ, chứng từ, lập xuất hóa đơn bán hàng với giá trị cao hơn so với thực tế mua bán phát sinh. Tuy nhiên, cũng có trường hợp do trình độ kém hiểu biết, do nể nang nên chủ hộ đã ký xác nhận, đóng dấu hộ kinh doanh vào các bộ chứng từ thể hiện giá trị cao hơn so với giá trị thực tế phát sinh. Bản thân họ không được cùng bàn bạc, không biết việc ký chứng từ không đúng số tiền nhận để làm gì, không được hưởng lợi gì từ việc làm trên của bản thân nên không đủ căn cứ để xử lý.

Đối với các chủ hộ kinh doanh, doanh nghiệp đã nêu, chỉ có hộ kinh doanh của ông Nguyễn Vũ Hùng; Ông Trần Trung Dũng lập, xuất hóa đơn bán hàng với số lượng trên 10 tờ. Căn cứ kết quả điều tra không đủ căn cứ xác định cụ thể số lượng hóa đơn, giá trị ghi chênh lệch giữa giá trị ghi trên hóa đơn và thực tế mua bán đối với ông Nguyễn Vũ Hùng, ông Trần Trung Dũng. Bản thân ông Nguyễn Vũ Hùng, ông Trần Trung Dũng cũng khẳng định không nhận bất kỳ khoản tiền nào từ Lê Thị Đài Trang cũng như cán bộ của trường Trung cấp Lục Yên do xác nhận, lập xuất hóa đơn chứng từ không đúng với thực tế phát sinh hàng hóa, dịch vụ nên cũng không đủ căn cứ để xử lý.

Đối với các đối tượng đứng tên trên hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hóa đơn, phiếu chi tiền thuê địa điểm tổ chức lớp học, tuyển sinh, quản lý lớp tại các xã gồm: Ông Hoàng Văn Thiên (trú tại thôn Pù Thạo, xã Vĩnh Lạc, huyện Lục Yên); ông Hoàng Văn Tòa (trú tại thôn 12 xã Mường Lai, huyện Lục Yên); ông Nông Văn Quyết (trú tại thôn Làng Quy, xã Minh Tiến, huyện Lục Yên); ông Bé Văn Anh (trú tại thôn Hạ Giang, xã Tân Lập, huyện Lục Yên); ông Triệu Văn Hiện (trú tại thôn Bản Kè, xã Phan Thanh, Lục Yên, Yên Bái); ông Lã Kim Vươn (trú tại thôn 2, xã Minh Chuẩn, huyện Lục Yên); ông Nguyễn Ngọc Minh (trú tại thôn Làng Già, xã Yên Thắng, huyện Lục Yên); ông Hoàng Huy Vừng (trú tại thôn Nà Chùa, xã Mường Lai, Lục Yên); ông Phạm Văn Hiệu (trú tại thôn Tân Quang, xã Liễu Đỗ, Lục Yên) ... Những người này thực tế có cho thuê hội trường thôn để tổ chức lớp đào tạo nghề, có tham gia tuyển sinh, quản lý lớp nhưng họ đã ký tên xác

nhận vào các bộ chứng từ hợp đồng thuê địa điểm lớp học, tuyển sinh, quản lý lớp không đúng thực tế số tiền đã nhận. Do trình độ kém hiểu biết và do nể nang nên họ đã ký xác nhận vào các bộ chứng từ nêu trên. Số tiền chênh lệch giữa hồ sơ và thực nhận nhỏ lẻ, không lớn, chỉ từ vài trăm nghìn đồng đến một vài triệu đồng. Bản thân họ không được cùng bàn bạc, không biết việc ký chứng từ không đúng số tiền nhận để làm gì, không được hưởng lợi gì từ việc làm trên của bản thân. Vì vậy, không đề cập đến việc xử lý trong vụ án này, là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Theo Kết luận giám định thì thiệt hại đã đủ điều kiện xác định chủ thể là **613.967.000 đồng**; trong đó: Thiệt hại đối tượng cung cấp dịch vụ (Giáo viên): 24.800.000 đồng; thiệt hại về ngân sách NN theo giá trị hợp đồng: 569.511.000 đồng; thiệt hại ngân sách NN (Thuế thu nhập cá nhân): 19.656.000 đồng. Trách nhiệm của từng cá nhân được xác định cụ thể như sau: Ông Nông Ngọc A 203.295.000 đồng; Nguyễn Duy Tr 120.350.000 đồng; Trần Lan A 120.350.000 đồng; Cù Chí G 82.945.000 đồng; Lê thị Đài Tr 87.027.000 đồng.

Quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử, các cá nhân và gia đình đã nộp tiền khắc phục hậu quả như sau: Trần Lan A, Cù Chí G và Lê thị Đài Tr đã nộp đủ số tiền thiệt hại được xác định như trên. Nguyễn Duy Tr đã nộp 150.000.000 đồng, thừa 29.650.000 đồng; gia đình ông Nông Ngọc A đã nộp 381.069.500 đồng, thừa 177.774.500 đồng; số tiền nộp thừa sẽ được trả lại cho các cá nhân.

[5] Về biện pháp tư pháp:

Đối với thiệt hại cho đối tượng cung cấp dịch vụ (Các giáo viên): 24.800.000 đồng bao gồm: Anh Bàn Tiến Biên 8.784.000 đồng; ông Trảng Văn Tươi 4.680.000 đồng; anh Vi Văn Tú 6.656.000 đồng; chị Đỗ Thị Tuyết 3.328.000 đồng; anh Nguyễn Văn Nhật 1.352.000 đồng. Trong giai đoạn truy tố, anh Bàn Tiến Biên từ chối nhận lại số tiền nêu trên; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác là ông Trảng Văn Tươi, anh Vi Văn Tú, chị Đỗ Thị Tuyết và anh Nguyễn Văn Nhật đề nghị được trả lại số tiền đã bị chiếm đoạt, xét thấy yêu cầu này là có căn cứ cần chấp nhận.

Đối với thiệt hại về ngân sách Nhà nước được xác định gồm: Thiệt hại về ngân sách Nhà nước theo giá trị hợp đồng 569.511.000 đồng và thiệt hại ngân sách Nhà nước (Thuế thu nhập cá nhân) 19.656.000 đồng, tổng cộng là 589.167.000 đồng. Đây là khoản tiền do các bị cáo làm khống chứng từ để chiếm đoạt ngân sách Nhà nước gia đình bị can Nông Ngọc A và các bị cáo nộp khắc phục hậu quả cùng với số tiền anh Bàn Tiến Biên bị thiệt hại 8.784.000 đồng nhưng từ chối nhận lại cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[5] Về vật chứng của vụ án gồm 54 bộ chứng từ quyết toán; 41 tờ (bản gốc) quyết toán số tiền thực chi của các lớp năm 2015, 2017, 2018; 07 tờ theo dõi số tiền thực chi của các lớp năm 2016 và các quyết định thành lập, đổi tên trường, các quyết định bổ nhiệm, phân công nhiệm vụ, hợp đồng lao động ... (bản phô tô có đóng dấu treo của Trường trung cấp Lục Yên); Một quyển sổ tay bìa màu xanh đen, trên bìa sổ ghi chữ A4 Grand gồm 19 tờ có chữ viết (trên mỗi tờ có ghi ngày

9/10/2019 và có chữ ký của bị can Lê Thị Đài Trang) được đóng dấu bút lục, đánh số thứ tự chuyển theo hồ sơ vụ án.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Duy Tr, Trần Lan A, Cù Chí G và Lê thị Đài Tr phạm tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

2- Về hình phạt:

2.1. Căn cứ điểm b, điểm c khoản 2 điều 356; điểm b, điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 54; điều 17; điều 58; điều 59 Bộ luật Hình sự; điểm d khoản 3 điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30-12-2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ;

Miễn hình phạt cho bị cáo **Nguyễn Duy Tr.**

2.2. Căn cứ điểm b, điểm c khoản 2 điều 356; điểm b, điểm s, điểm t, điểm v khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 54; điều 17; điều 58; điều 59 Bộ luật Hình sự; điểm d khoản 3 điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30-12-2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ;

Miễn hình phạt cho bị cáo **Trần Lan A.**

2.3. Căn cứ điểm b, điểm c khoản 2 điều 356; điểm b, điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 54; điều 17; điều 58; điều 59 Bộ luật Hình sự; điểm d khoản 3 điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30-12-2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ;

Miễn hình phạt cho bị cáo **Cù Chí G.**

2.4. Căn cứ điểm b, điểm c khoản 2 điều 356; điểm b, điểm s, điểm t, điểm v khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 54; điều 17; điều 58; điều 59 Bộ luật Hình sự; điểm d khoản 3 điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30-12-2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ;

Miễn hình phạt cho bị cáo **Lê thị Đài Tr.**

3- Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự:

3.1. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền các đối tượng nộp khắc phục hậu quả là 589.167.000 đồng và 8.784.000 đồng do anh Bàn Tiên Biên từ chối không nhận.

3.2. Trả lại số tiền cho các cá nhân bị thiệt hại, cụ thể: Ông Tráng Văn Tươi: 4.680.000 đồng; anh Vi Văn Tú: 6.656.000 đồng; anh Nguyễn Văn Nhật: 1.352.000 đồng; chị Đỗ Thị Tuyết: 3.328.000 đồng.

3.3. Trả lại số tiền thừa cho các cá nhân đã nộp khắc phục hậu quả gồm: Gia đình ông Nông Ngọc A do bà Nguyễn Thị Ch đại diện 177.774.500 đồng; bị cáo Nguyễn Duy Tr 29.650.000 đồng.

(Toàn bộ số tiền trên bao gồm 631.069.000 đồng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13-11-2020 và số tiền các bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L như sau: Cù Chí G nộp 82.945.000 đồng theo biên lai số AA/2013/01554 ngày 06-11-2020 và biên lai số AA/2021/0001304 ngày 29-10-2021; Trần Lan A nộp 20.350.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0001309 ngày 27-10-2021; Lê thị Đài Tr nộp 87.027.000 đồng theo biên lai số AA/2013/01560 ngày 09-11-2020 và biên lai số AA/2021/0001308 ngày 27-10-2021).

4- Về án phí: Căn cứ khoản 2 điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc Nguyễn Duy Tr, Trần Lan A, Cù Chí G và Lê thị Đài Tr mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5- Quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh; Sở Tư pháp;
- VKSND huyện; VKSND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Các bị cáo; người có QLVN liên quan;
- Lưu HS, T.A, THS, THAHS.

Phan Duy Đô